|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ĐỀ NGHỊ KIÊM HỢP ĐỒNG MỞ, SỬ DỤNG TÀI KHOẢN VÀ ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ**  ***(Dành cho khách hàng tổ chức)[[1]](#footnote-1)***  *MB01A/QT.VH.014*  ***Số: ………./20..../MSB -….. Ngày: ……/……/…………***  **Mã CIF Khách hàng: …………………..** | | | | | |
| **I. Thông tin Chủ tài khoản** | | | | | | | |
| Tên giao dịch đầy đủ | ……………………………………………………... | | | | | | |
| Tên tiếng Anh | ……………………………………………………... | | | | | | |
| Tên giao dịch viết tắt | ……………………………………………………... | | | | | | |
| Số GCN ĐKDN (Mã số doanh nghiệp)/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là GCN ĐKKD)[[2]](#footnote-2) | ……………………………………………………...  Cấp ngày: ..../..../........ Nơi cấp: …………………..... | | | | | | |
| Số Giấy phép thành lập/Giấy phép thành lập và hoạt động[[3]](#footnote-3)/Số giấy phép hoạt động (nếu có)[[4]](#footnote-4) | ……………………………………………………...  Cấp ngày: ..../..../........ Nơi cấp: …………………..... | | | | | | |
| Mã số thuế/Số định danh (nếu có) | ……………………………………………………... | | | | | | |
| Địa chỉ trụ sở chính | ……………………………………………………... | | | | | | |
| Địa chỉ giao dịch | ……………………………………………………... | | | | | | |
| Thông tin liên lạc | Số điện thoại liên lạc: ………………................. Số Fax (nếu có): ..……………................  Email: ……………………..……@………….…........  Trang thông tin điện tử (nếu có): ……………………................ | | | | | | |
| Tình trạng cư trú | Cư trú  Không cư trú | | | | | | |
| Đối tượng Doanh nghiệp | Nhà nước  FDI  Định chế tài chính  Khác: ….......... | | | | | | |
| Doanh thu năm gần nhất | Dưới 20 tỷ đồng  Từ 20 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng  Trên 200 tỷ đồng và dưới 1000 tỷ đồng  Từ 1000 tỷ đồng trở lên | | | | | | |
| Ngành và lĩnh vực hoạt động, kinh doanh[[5]](#footnote-5) | ……………………………………………………... | | | | | | |
| Công ty xuất nhập khẩu | Xuất khẩu  Nhập khẩu  Không | | | | | | |
| Vốn điều lệ | ……………………………………………………... | | | | | | |
| Số lượng nhân viên | ……………………………………………………... | | | | | | |
| Thông tin Chủ sở hữu hưởng lợi | Người đại diện theo Pháp luật  Cá nhân khác *(Vui lòng kê khai theo mẫu MB02B -Mẫu thu thập thông tin nhận biết CSHHL –KHTC theo Quyết định 6966/2024/QĐ-TGĐ16 hoặc các văn bản sửa đổi bổ sung trong từng thời kỳ)* | | | | | | |
| Thông tin Người thành lập | Là các cá nhân đã được kê khai tại Mẫu biểu này hoặc các mẫu biểu đi kèm *(vui lòng ghi rõ họ tên):* ……………………………………………………...  Cá nhân hoặc tổ chức khác *(Vui lòng kê khai theo mẫu biểu MB02A- Mẫu thu thập thông tin nhận biết Người thành lập theo Quyết định 6966/2024/QĐ-TGD16 ngày 31/07/2024 hoặc các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung theo từng thời kỳ)* | | | | | | |
| Thông tin của thỏa thuận pháp lý | Thỏa thuận dưới hình thức ủy thác hoặc hình thức khác có bản chất tương tự được xác lập theo pháp luật nước ngoài, cho phép bên nhận ủy thác được nhận chuyển giao quyền sở hữu hợp pháp tài sản từ bên ủy thác để thực hiện điều hành, quản lý, giám sát tài sản vì lợi ích của người thụ hưởng hoặc vì mục đích được xác định trong thỏa thuận  Khách hàng tổ chức có phải là bên nhận ủy thác trong thỏa thuận pháp lý không?  Không  Có *(Vui lòng kê khai theo mẫu biểu MB03- Mẫu thu thập thông tin thỏa thuận pháp lý theo Quyết định 6966/2024/QĐ-TGD16 ngày 31/07/2024 hoặc các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung theo từng thời kỳ)* | | | | | | |
| Mục đích và bản chất mối quan hệ kinh doanh của khách hàng và MSB: để sử dụng  Sản phẩm thanh toán  Sản phẩm tiền gửi  Sản phẩm tài trợ thương mại  Sản phẩm chuyển tiền quốc tế  Sản phẩm tín dụng  Khác *(ghi rõ)*: …………………… | | | | | | | |
| **II. Đề nghị MSB cung cấp dịch vụ tài khoản** | | | | | | | |
| **1. Loại tài khoản:** | | | | | | | |
| Tài khoản thanh toán | | | VND  USD  Khác:…..…..….. | | | | |
| Tài khoản chuyên dùng đặc biệt[[6]](#footnote-6)**:** …………………… | | | VND  USD  Khác:…..…..….. | | | | |
| Khác: …………………… | | | VND  USD  Khác: …..…..….. | | | | |
| **2**. Trong trường hợp khách hàng tích vào ô loại tài khoản chuyên dùng đặc biệt, khách hàng cam kết sẽ chỉ thực hiện các giao dịch liên quan thông qua tài khoản chuyên dùng đặc biệt tại MSB, sẽ không thực hiện giao dịch qua tài khoản khác tại bất kỳ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam, đồng thời cam kết:  Chúng tôi cam kết không có tài khoản chuyên dùng đặc biệt tại bất kỳ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nào khác, hoặc  Chúng tôi sẽ cung cấp cho MSB xác nhận của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà chúng tôi đang có tài khoản chuyên dùng đặc biệt về việc đã đóng và tất toán tài khoản này trước khi MSB kích hoạt tài khoản chuyên dùng đặc biệt của chúng tôi tại MSB. | | | | | | | |
| **3. Sổ phụ, sao kê**  Có  Không  **3.1. Phương thức nhận:**  Nhận qua địa chỉ thư điện tử: ………@.................  Nhận trực tiếp tại quầy: Chi nhánh/Phòng giao dịch……………………………………………………….  Nhận tại địa chỉ: …………………………….  Phương thức khác:[[7]](#footnote-7) …………………………….  **3.2. Tần suất nhận:**  Hàng ngày  Hàng tháng  Theo yêu cầu: ……………………… | | | | | | | |
| **4. Thông tin người giao dịch tại MSB[[8]](#footnote-8) (không bao gồm Kế toán trưởng/ Người phụ trách kế toán/ Người được ủy quyền nêu tại mục VI dưới đây):**  Họ và tên: …………………………………………  Nam Nữ  Ngày sinh[[9]](#footnote-9): ..../..../........ Người cư trú:  Có  Không Quốc tịch: ……………………………  Nghề nghiệp: ……………………………… Chức vụ: ………………….….....…....  Số giấy tờ tùy thân *(Thẻ Căn cước[[10]](#footnote-10)/CMND/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp[[11]](#footnote-11))*: ………………….….....…....  Ngày cấp: ..../..../........ Ngày hết hạn hiệu lực: ..../..../........ Nơi cấp: ………………….….....…....  Số điện thoại liên lạc: ………………….….....….... Email: ………………….….....…....  Địa chỉ đăng ký thường trú[[12]](#footnote-12)/ đăng ký cư trú ở Việt Nam ...……………………………………………  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: ...…………………………………………… | | | | | | | |
| **III. Đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử M-Banking[[13]](#footnote-13)** | | | | | | | |
| **Internet Banking/Mobile Banking:**  Có  Không **SMS Banking:**  Có  Không | | | | | | | |
| 1. **Đăng ký gói dịch vụ** | | | | | | | |
| **Doanh nghiệp khác** | **Doanh nghiệp có doanh thu từ 1.000 tỷ VND trở lên, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI** | | | | **Định chế Tài chính** | | |
| Gói BASIC  Gói SILVER  Gói GOLD  Gói PLUS  Gói IB - SME VIP  Gói Khác: …………… | Gói BASIC  Gói PLATINUM  Gói PLATINUM VIP  Gói PLATINUM VIP100  Gói Khác:……………… | | | | Gói BASIC  Gói PLATINUM  Gói PLATINUM VIP 20  Gói PLATINUM VIP40  Gói khác: ……………… | | |
| ***Lưu ý:***   * *Gói Basic (Chỉ được cấp quyền tra cứu các thông tin về tài khoản và các quyền khác được ngân hàng cho phép nhưng KHÔNG thực hiện các giao dịch tài chính)* * *Gói Silver/Gold/Plus/Platinum được cấp quyền tra cứu các thông tin tài khoản, thực hiện các giao dịch chuyển tiền, giao dịch trả vay, giao dịch tài trợ thương mại, giao dịch trả lương, quản lý dòng tiền với hạn mức giao dịch chi tiết theo từng gói.* * *Gói Platinum VIP/VIP20/40/100 được cấp thêm chức năng quản lý dòng tiền các Công ty thành viên/Công ty con/Chi nhánh với hạn mức giao dịch, phí dịch vụ chi tiết theo từng gói.* * *Gói Khác: Là các gói dịch vụ được MSB quy định trong từng thời kỳ cho từng khách hàng cụ thể.* * *Các gói dịch vụ của M-Banking được MSB đăng tải công khai trên Website:*[*www.msb.com.vn*](http://www.msb.com.vn/)*. Các tính năng, hạn mức và phương thức xác thực giao dịch có thể thay đổi theo quy định của MSB trong từng thời kỳ và thông báo trên Website của MSB.* | | | | | | | |
| 1. **Đăng ký thông tin dịch vụ Internet Banking/Mobile Banking** | | | | | | | |
| 1. **Thiết lập phân quyền mặc định:**   **Không** **đồng ý** [[14]](#footnote-14) 2. **Thông tin người dùng[[15]](#footnote-15):** | | | | | | | |
| |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Họ và tên** | **Số giấy tờ tùy thân[[16]](#footnote-16)** | **Số điện thoại liên lạc** | **Email** | **Mã truy cập**  (Do ngân hàng ghi) | | I | Người quản trị | |  | | | | 1 | …………… | …………… | …………… | …………… | …………… | | II | Người lập lệnh | |  | | | | 1 | …………… | …………… | …………… | …………… | …………… | | III | Người duyệt lệnh | |  | | | | 1 | …………… | …………… | …………… | …………… | …………… | | | | | | | | |
| Trường hợp thông tin người dùng đăng ký tại mục b không nằm trong danh sách thông tin đã đăng ký tại Đề nghị kiêm hợp đồng mở sử dụng TK và đăng ký dịch vụ này, khách hàng bắt buộc thực hiện khai báo bổ sung thông tin người dùng trên mẫu đăng ký sử dụng dịch vụ M-Banking theo quy định MSB | | | | | | | |
| ***Lưu ý:***   * *Mã truy cập do khách hàng đăng ký, trong trường hợp mã truy cập khách hàng đăng ký trùng với mã truy cập do Khách hàng khác đã đăng ký trên hệ thống thì Nhân viên dịch vụ tài khoản đăng ký theo mong muốn của khách hàng và thêm các ký tự để có thể đăng ký được cho khách hàng. Sau khi Nhân viên dịch vụ tài khoản đăng ký có thể ghi bổ sung và thông báo lại cho khách hàng.* * *Khách hàng có thể lựa chọn cách đặt mã truy cập (không có dấu và khoảng trắng) như sau, để đảm bảo tính duy nhất trên hệ thống, khách hàng đặt tên ưu tiên:*   *{Tên\_mong\_muốn}{sốCIF}VD: NguyenvanA018219, NguyenvanB018219*  {*Tên\_công\_ty\_viết\_tắt}{Tên\_người\_dùng}\_Vai trò. VD: NTT\_MAKER01, NTT\_TuNM\_MAKER*  *Lấy tên địa chỉ email hoặc tên khác:………………………………………….* | | | | | | | |
| 1. **Thông tin vai trò và phương thức xác thực giao dịch**  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Họ và tên** | **VAI TRÒ** | | | **PHƯƠNG THỨC XÁC THỰC GIAO DỊCH [[17]](#footnote-17)** | | | | | Quản trị | Nhập lệnh | Duyệt lệnh | Soft OTP | Chữ ký số (CA) | Token OTP | Số Serial của thiết bị | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | | | | | | | | |
| 1. **Đăng ký thông tin dịch vụ SMS Banking**  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Số điện thoại liên lạc** | **Họ và tên** | **Nghề nghiệp và Chức vụ** | **Số giấy tờ tùy thân[[18]](#footnote-18)** | **Dịch vụ** | | | | | **Ghi chú** | | Truy vấn, sao kê | Biến động số dư | Cảnh báo vay đến hạn | Thông báo trả lãi | Thông báo hủy giao dịch | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   ***Lưu ý:*** *MSB sẽ gửi SMS cảnh báo khoản vay đến hạn trước thời điểm đến hạn 01 tháng, trường hợp khách hàng có nhu cầu nhận SMS cảnh bảo khoản vay đến hạn khác, vui lòng điền thông tin tại cột ghi chú* | | | | | | | |
|  | | | | | | | |
| **IV. Đăng ký tài khoản sử dụng nộp thuế điện tử** Có  Không | | | | | | | |
| **Thông tin tài khoản sử dụng Nộp thuế điện tử** | | | | | | | |
| Số tài khoản:………………….. | | Số tài khoản:………………….. | | Số tài khoản:………………….. | | | |
| MSB được tự động trích nợ tài khoản liệt kê trên đây để thanh toán cho các Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước của Khách hàng lập và gửi đến MSB qua Cổng thông tin của Tổng cục Thuế. MSB được hoàn toàn miễn trách trước Khách hàng và pháp luật khi thực hiện đúng theo các nội dung hiển thị trên các Giấy nộp tiền này. | | | | | | | |
| **V. Đăng ký dịch vụ thanh toán hóa đơn tự động (điện, nước, viễn thông…)** | | | | | | | |
| **1. Thông tin theo hợp đồng Nhà cung cấp** | | | | | | | |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Tiền điện**:  Có  Không | **Tiền nước**:  Có  Không | **Khác**:….  Có  Không | | Mã KH: | …………… | …………… | …………… | | Nhà cung cấp | …………… | …………… | …………… | | Tên KH: | …………… | …………… | …………… | | Định kỳ kiểm tra hóa đơn | Hàng ngày  Thứ……. | Hàng ngày  Thứ ……. | Hàng ngày  Thứ ……. | | Thời gian cung cấp dịch vụ | Không thời hạn  Đến hết ngày:..../..../........ | Không thời hạn  Đến hết ngày: ..../..../........ | Không thời hạn  Đến hết ngày: ..../..../........ |   *(Khách hàng có thể lựa chọn nhiều ngày trong tuần)* | | | | | | | |
| **2. Thông tin tài khoản trích nợ tự động thanh toán dịch vụ** | | | | | | | |
| Tài khoản thứ nhất: ……………………………… Tại MSB, chi nhánh …………………………………….  Tài khoản thứ hai: ……………………………… Tại MSB, chi nhánh ……………………………………  Chúng tôi ủy quyền cho MSB được tự động trích nợ các tài khoản liệt kê trên đây để thanh toán cho Nhà cung cấp khi có hóa đơn từ Nhà cung cấp. MSB được hoàn toàn miễn trách trước Khách hàng và pháp luật khi thực hiện đúng theo các nội dung hiển thị trên các hóa đơn này.   |  | | --- | | **VI. Đăng ký mẫu dấu, chữ ký** | | 1. **Người đại diện theo pháp luật (NĐDTPL)** | | | | | | | | |
| |  |  | | --- | --- | | Họ và tên: …………………………………  Nam Nữ  Ngày sinh[[19]](#footnote-19): ..../..../........ Người cư trú:  Có  Không  Nghề nghiệp: ……………………………… Chức vụ: …………………………… Số giấy tờ tùy thân *(Thẻ Căn cước[[20]](#footnote-20)/CMND/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp[[21]](#footnote-21))*: .………...………….…………….  Ngày cấp: ..../..../........ Ngày hết hạn hiệu lực: ..../..../........  Nơi cấp: ………………………………  Số điện thoại liên lạc:……………………… Email: ……………………………….  Quốc tịch:  Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch[[22]](#footnote-22)  01 quốc tịch *(ghi rõ)*: ……………………………….  Từ 2 quốc tịch trở lên[[23]](#footnote-23) *(Liệt kê đầy đủ):* ……………………………….  **NĐDTPL có 1 quốc tịch**  Mã số thuế[[24]](#footnote-24) : ……………………………….  Địa chỉ đăng ký thường trú[[25]](#footnote-25)/ đăng ký cư trú ở Việt Nam[[26]](#footnote-26): …………………….  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: ...……………………………………………  Số thị thực nhập cảnh[[27]](#footnote-27): …………………........ Thời hạn: ..../..../........ đến ..../..../........  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[28]](#footnote-28):………………………………………………….…  **NĐDTPL có 2 quốc tịch[[29]](#footnote-29): thông tin của quốc tịch thứ 2[[30]](#footnote-30):** **…………………........**  Số Hộ chiếu/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp: …………………….……Ngày cấp: ..../..../......... Ngày hết hạn hiệu lực: ..../..../........  Nơi cấp: …………………….…… Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[31]](#footnote-31): ……………………………………………………  **NĐDTPL là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch:**  Số giấy chứng nhận căn cước: …………………….…… Ngày cấp: ..../..../........  Ngày hết hạn hiệu lực: ..../..../........ Nơi cấp: …………………….…… Địa chỉ đăng ký thường trú: …………………………………… ….…………………………….…………………………….…………………..  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: …………………………………… | Chữ ký thứ nhất | | Chữ ký thứ hai | | 1. **Người đại diện theo ủy quyền** | | | *Trường hợp có nhiều hơn 1 người được ủy quyền, NV DVTK bổ sung phần thông tin người được ủy quyền để Khách hàng kê khai* | | | Họ và tên: …………………………………………  Nam Nữ  Ngày sinh[[32]](#footnote-32): ..../..../........ Người cư trú:  Có  Không  Nghề nghiệp: ……………………………… Chức vụ: ………………………………  Số giấy tờ tùy thân *(Thẻ Căn cước[[33]](#footnote-33)/CMND/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp[[34]](#footnote-34))*: …………………….  Ngày cấp: ..../..../........ Ngày hết hạn hiệu lực: ..../..../........  Nơi cấp: ………………………………  Số điện thoại liên lạc: ………………………… Email: ………………………………  Quốc tịch:  Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch[[35]](#footnote-35)  01 quốc tịch *(ghi rõ)*:………………………  Từ 2 quốc tịch trở lên[[36]](#footnote-36) *(Liệt kê đầy đủ):* ………………………………  **NĐDTUQ có 1 quốc tịch**  Mã số thuế[[37]](#footnote-37) : ………………………………  Địa chỉ đăng ký thường trú[[38]](#footnote-38)/ đăng ký cư trú ở Việt Nam[[39]](#footnote-39): ………………….… ….…………………………….…………………………….……………………...  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: ...…………………………………………  Số thị thực nhập cảnh[[40]](#footnote-40): …………………....... Thời hạn: ..../..../........đến ..../..../........  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[41]](#footnote-41):…………………………………………………  **NĐDTUQ có 2 quốc tịch[[42]](#footnote-42): thông tin của quốc tịch thứ 2[[43]](#footnote-43): …………………........**  Số Hộ chiếu/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp: …………………….……Ngày cấp: ..../..../........  Ngày hết hạn hiệu lực: ..../..../........ Nơi cấp: …………………..  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[44]](#footnote-44): ……………………………………………………  **NĐDTUQ là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch:**  Số giấy chứng nhận căn cước:……………..Ngày cấp: ..../..../........  Ngày hết hạn hiệu lực: ..../..../........ Nơi cấp: ………………….  Địa chỉ đăng ký thường trú: ……………………………………  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: ……………………………………  Phạm vi ủy quyền: [[45]](#footnote-45) ……………………………………………  Thời hạn ủy quyền: …………………………………………… | Chữ ký thứ nhất | | Chữ ký thứ hai | | **3. Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán** | | | Họ và tên: …………………………………………  Nam Nữ  Ngày sinh[[46]](#footnote-46): ..../..../........ Người cư trú:  Có  Không  Nghề nghiệp: ……………………………… Chức vụ: ………………….….....…....  Số giấy tờ tùy thân *(Thẻ Căn cước[[47]](#footnote-47)/CMND/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp[[48]](#footnote-48))*: .………...…………  Ngày cấp: ..../..../........ Ngày hết hạn hiệu lực: ..../..../........  Nơi cấp: ………………………………………  Số điện thoại liên lạc:……………………… Email: ……………………………….  Quốc tịch:  Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch[[49]](#footnote-49)  01 quốc tịch *(ghi rõ)*: ………………………  Từ 2 quốc tịch trở lên[[50]](#footnote-50) *(Liệt kê đầy đủ):* ………………………  **KTT/NPTKT có 1 quốc tịch**  Mã số thuế[[51]](#footnote-51) : ………………………  Địa chỉ đăng ký thường trú[[52]](#footnote-52)/ đăng ký cư trú ở Việt Nam[[53]](#footnote-53): ...……………………  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: ...……………………………………………  Số thị thực nhập cảnh[[54]](#footnote-54): …………………....... Thời hạn: ..../..../........ đến ..../..../........  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[55]](#footnote-55):…………………………………………………  **KTT/NPTKT có 2 quốc tịch[[56]](#footnote-56): thông tin của quốc tịch thứ 2[[57]](#footnote-57): …………………........**  Số Hộ chiếu/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp: …………………….……Ngày cấp: ..../..../........  Ngày hết hạn hiệu lực: ..../..../........ Nơi cấp: …………………….……  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[58]](#footnote-58): …………………….……  **KTT/NPTKT là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch:**  Số giấy chứng nhận căn cước: …………………….…… Ngày cấp: ..../..../........  Ngày hết hạn hiệu lực: ..../..../........ Nơi cấp: …………………….……  Địa chỉ đăng ký thường trú: ……………………………………  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: …………………………………… | Chữ ký thứ nhất | | Chữ ký thứ hai | | **Người được kế toán trưởng/ người phụ trách kế toán ủy quyền** | | | *Trường hợp có nhiều hơn 1 người được ủy quyền, NVDVTK bổ sung phần thông tin người được ủy quyền để Khách hàng kê khai* | | | Họ và tên: …………………………………………  Nam Nữ  Ngày sinh[[59]](#footnote-59): ..../..../........ Người cư trú:  Có  Không  Nghề nghiệp: ……………………………… Chức vụ: ………………….….....…....  Số giấy tờ tùy thân *(Thẻ Căn cước[[60]](#footnote-60)/CMND/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp[[61]](#footnote-61))*: ………………….……  Ngày cấp: ..../..../........ Ngày hết hạn hiệu lực: ..../..../........  Nơi cấp: …………………….……  Số điện thoại liên lạc:……………………… Email: ……………………………….  Quốc tịch:  Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch[[62]](#footnote-62)  01 quốc tịch *(ghi rõ)*: ………………………  Từ 2 quốc tịch trở lên[[63]](#footnote-63) *(Liệt kê đầy đủ):* ……………………….  **Người được KTT/NPTKT UQ có 1 quốc tịch**  Mã số thuế[[64]](#footnote-64) : ……………………….  Địa chỉ đăng ký thường trú[[65]](#footnote-65)/ đăng ký cư trú ở Việt Nam[[66]](#footnote-66): ……………………….  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: ...……………………………………………  Số thị thực nhập cảnh[[67]](#footnote-67): ……………………… Thời hạn: ..../..../........ đến ..../..../........  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[68]](#footnote-68):…………………………………………………  **Người được KTT/NPTKT UQ có 2 quốc tịch[[69]](#footnote-69): thông tin của quốc tịch thứ 2[[70]](#footnote-70): …………………........**  Số Hộ chiếu/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp: …………………….……Ngày cấp: ..../..../........ .  Ngày hết hạn hiệu lực: ..../..../........ Nơi cấp: …………………….……  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[71]](#footnote-71): …………………….……  **Người được KTT/NPTKT UQ là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch:**  Số giấy chứng nhận căn cước: ……….…...........…. Ngày cấp: ..../..../........  Ngày hết hạn hiệu lực: ..../..../........ Nơi cấp: ……….…….  Địa chỉ đăng ký thường trú:……………………………………………  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*:………………………………………….  Phạm vi ủy quyền[[72]](#footnote-72): ………………………………………….  Thời hạn ủy quyền: …………………………………………. | Chữ ký thứ nhất | | Chữ ký thứ hai | | 1. **Nguyên tắc chữ ký, mẫu dấu khi giao dịch tài khoản thanh toán:**  * Chứng từ/ hồ sơ giao dịch phát sinh trên tài khoản của chúng tôi tại MSB có hiệu lực khi *(chọn một trong ba):*   Có dấu, một chữ ký thuộc Nhóm chữ ký thứ nhất (Người đại diện hợp pháp) và một chữ ký thuộc Nhóm chữ ký thứ hai (Kế toán trưởng)  Có dấu, một chữ ký thuộc Nhóm chữ ký thứ nhất *(Trường hợp Tổ chức không bắt buộc phải bố trí kế toán trưởng theo quy định của Pháp luật)*  Khác: ………………………………………….   * Hiệu lực của bộ mẫu dấu, mẫu chữ ký *(chọn một trong hai)*:   Đến ngày ..../..../........  Cho đến khi có thay thế/bổ sung   * Nội dung khác[[73]](#footnote-73): …………………………………………. | Mẫu dấu | | | | | | | | |
| **VII. Thông tin liên quan đến Giám đốc hoặc Tổng Giám Đốc[[74]](#footnote-74)** | | | | | | |
|  | | | | | | |
| Họ và tên: ………………………………………….  Nam Nữ  Ngày sinh[[75]](#footnote-75): …./…./…… Người cư trú:  Có  Không  Nghề nghiệp: ……………………………… Chức vụ: ………………….….....….....….....…......  Số giấy tờ tùy thân *(Thẻ Căn cước[[76]](#footnote-76)/CMND/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp[[77]](#footnote-77))*: ………………………………  Ngày cấp: …./…./…… Ngày hết hạn hiệu lực: …./…./……  Nơi cấp: ………………………………  Số điện thoại liên lạc:… ……………………………… Email: ……………………………….  Quốc tịch:  Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch[[78]](#footnote-78)  01 quốc tịch *(ghi rõ)*: ………………………………  Từ 2 quốc tịch trở lên[[79]](#footnote-79) *(Liệt kê đầy đủ):* ………………………………  **TGĐ/GĐ có 1 quốc tịch**  Mã số thuế[[80]](#footnote-80) : ………………………………  Địa chỉ đăng ký thường trú[[81]](#footnote-81)/ đăng ký cư trú ở Việt Nam[[82]](#footnote-82): ………………………………  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: ………………………………  Số thị thực nhập cảnh[[83]](#footnote-83): ………………………… Thời hạn: …./…./…… đến …./…./……  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[84]](#footnote-84):…………………………………………………………....…...  **TGĐ/GĐ có 2 quốc tịch[[85]](#footnote-85): thông tin của quốc tịch thứ 2[[86]](#footnote-86): …………………........**  Số Hộ chiếu/Thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp: …………………….……  Ngày cấp: …./…./…… Nơi cấp: …………………….……  Địa chỉ cư trú ở nước ngoài[[87]](#footnote-87): …………………….……  **TGĐ/GĐ là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch:**  Số giấy chứng nhận căn cước: …………………….…… Ngày cấp: …./…./……  Ngày hết hạn hiệu lực: …./…./…… Nơi cấp: …………………….……  Địa chỉ đăng ký thường trú: …………………….……  Địa chỉ nơi ở hiện tại khác *(nếu có)*: …………………….…… | | | | | | |
| **VIII. Thông tin về FATCA *(Đạo luật tuân thủ về thuế đối với tài khoản nước ngoài do Hoa Kỳ ban hành)*** | | | | | | | |
| **Vui lòng *chọn một trong các trạng thái sau:***  **Tổ chức được thành lập tại Hoa Kỳ hoặc theo pháp luật Hoa Kỳ hoặc theo bất kỳ tiểu Bang nào của Hoa Kỳ**  Vui lòng cung cấp Mã số thuế tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ thuế đối với chính phủ Hoa Kỳ (U.S TIN):   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   Vui lòng bổ sung thông tin theo mẫu W9 để xác nhận trạng thái Hoa Kỳ  **Chủ sở hữu hưởng lợi miễn trừ**  Vui lòng cung cấp W-8BEN-E hoặc ghi rõ trạng thái miễn trừ*:* …………………….……  **Tổ chức tài chính[[88]](#footnote-88) ngoài Hoa Kỳ theo quy định của FATCA**  *Vui lòng chọn một trong các trạng thái tuân thủ FATCA dưới đây:*  Tổ chức tài chính Việt Nam hoặc Tổ chức tài chính thuộc các quốc gia tuân thủ IGA (không bị xếp vào nhóm không tuân thủ theo quy định của IGA)  *Mã GIIN[[89]](#footnote-89) do IRS cấp:* …………………….……  Tổ chức tài chính tuân thủ/ ấn định tuân thủ được đăng ký  *Mã GIIN do IRS cấp (bắt buộc):* …………………….……  Tổ chức tài chính ấn định tuân thủ được chứng thực  *Vui lòng cung cấp W-8BEN-E hoặc ghi rõ trạng thái* …………………….……  Tổ chức tài chính nước ngoài không tuân thủ  **Khách hàng là Tổ chức phi tài chính ngoài Hoa Kỳ**  *Vui lòng chọn một trong các trạng thái dưới đây:*  Không có Người kiểm soát[[90]](#footnote-90) là Đối tượng Hoa Kỳ  Có Người kiểm soát là Đối tượng Hoa Kỳ  Vui lòng cung cấp thông tin Người kiểm soát là Đối tượng Hoa Kỳ *(Trường hợp có nhiều hơn 01 Người kiểm soát là Đối tượng Hoa Kỳ, NV DVTK bổ sung thêm thông tin tương tự)*  Họ và tên:………………………………........................................... Số Hộ chiếu[[91]](#footnote-91):……………………..  Địa chỉ thường trú:……………… Quốc tịch:……………...…………...   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   U.S. TIN:  Vui lòng điền mẫu W-8BEN-E để xác nhận trạng thái FATCA của Khách hàng.  Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ thông báo cho MSB trong vòng 30 ngày theo lịch kể từ khi có sự thay đổi về các thông tin đã kê khai như trên.  Trường hợp tại thời điểm mở tài khoản hoặc thay đổi thông tin hồ sơ Khách hàng, Khách hàng chưa cung cấp được mẫu W9/W-8BEN-E hoặc các giấy tờ liên quan theo yêu cầu của MSB, vui lòng xác nhận vào ô bên dưới:  Chúng tôi*/*Tôi xác nhận sẽ cung cấp mẫu W9/W-8BEN-E hoặc các giấy tờ liên quan theo yêu cầu của MSB trong vòng …….… ngày kể từ ngày mở tài khoản hoặc thay đổi thông tin hồ sơ Khách hàng (tối đa 90 ngày theo lịch) | | | | | | | |
| **IX. Cam kết của Khách hàng** | | | | | | |
|  | | | | | | |
| **Chúng tôi cam kết:**   1. Cung cấp đầy đủ, chính xác và cập nhật kịp thời cho MSB những thông tin trong hồ sơ tài khoản thanh toán, các thông tin bổ sung theo yêu cầu của MSB hoặc theo thỏa thuận; chịu trách nhiệm về những rủi ro phát sinh trong trường hợp cung cấp, cập nhật thông tin không đầy đủ, chính xác, kịp thời và những thiệt hại do sai sót của mình gây ra 2. Các thông tin số điện thoại chúng tôi kê khai là số điện thoại chính chủ, thuộc sở hữu hợp pháp của chúng tôi, không dùng chung/thuê/mượn của người khác. Chúng tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thiệt hại xảy ra (nếu có) do việc đăng ký, sử dụng số điện thoại không thuộc sở hữu hợp pháp của chúng tôi. 3. Chủ động cung cấp kịp thời và đầy đủ thông tin cho MSB về (i) cá nhân, tổ chức là Người có liên quan của mình, (ii) nếu chúng tôi thuộc trường hợp Người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của MSB; công ty con, công ty liên kết của MSB để tuân thủ các quy định về công bố thông tin, phê duyệt hợp đồng giao dịch v.v…và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc không/chậm cung cấp thông tin này. 4. Đã được MSB cung cấp đầy đủ thông tin, đã đọc kỹ và được giải thích chi tiết, rõ ràng về Bản Điều khoản điều kiện bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin khách hàng (“**Bản Điều Khoản Điều Kiện Bảo Vệ DLCN**”) được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của MSB tại địa chỉ [www.msb.com.vn](http://www.msb.com.vn) và/hoặc tại các điểm giao dịch của MSB. 5. Trên cơ sở tự nguyện và biết rõ về: 6. phạm vi, loại dữ liệu cá nhân, thông tin khách hàng được thu thập, sử dụng, xử lý (bao gồm cả dữ liệu cá nhân nhạy cảm như dữ liệu sinh trắc học, thông tin, dữ liệu khác gắn liền với quyền riêng tư của cá nhân); 7. mục đích thu thập, sử dụng, xử lý dữ liệu cá nhân, thông tin khách hàng; 8. thời hạn lưu trữ dữ liệu cá nhân, thông tin khách hàng; 9. tổ chức, cá nhân được sử dụng, xử lý dữ liệu cá nhân, thông tin khách hàng; và 10. quyền và nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu (đối với dữ liệu cá nhân), quyền và nghĩa vụ của khách hàng (đối với thông tin khách hàng),   Bằng văn bản này, chúng tôi **ĐỒNG Ý** với toàn bộ nội dung của Bản Điều Khoản Điều Kiện Bảo Vệ DLCN liên quan đến việc thu thập, sử dụng, xử lý dữ liệu cá nhân, thông tin khách hàng cung cấp cho MSB trong quá trình giao kết, thực hiện Đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản và đăng ký dịch vụ này (không phụ thuộc vào việc chúng tôi đã tích chọn Đồng ý trên Bản Điều Khoản Điều Kiện Bảo Vệ DLCN hay chưa) và **ĐỒNG Ý** để MSB thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân của chúng tôi.   1. Trường hợp chúng tôi cung cấp thông tin, dữ liệu của tổ chức, cá nhân khác, chúng tôi cam kết đã được ủy quyền hợp pháp để thay mặt tổ chức, cá nhân đó thực hiện tất cả các thủ tục với MSB liên quan tới cung cấp, sử dụng thông tin khách hàng, xử lý dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật. Chúng tôi cam kết thêm rằng tổ chức, cá nhân ủy quyền đã biết rõ và đồng ý về việc thông tin, dữ liệu của họ sẽ được thu thập, sử dụng, xử lý theo Bản Điều Khoản Điều Kiện Bảo Vệ DLCN). 2. Đã được MSB cung cấp đầy đủ thông tin, đã đọc kỹ và được giải thích chi tiết, rõ ràng về (i) tài liệu, thông tin, dữ liệu trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán (ii) trình tự, thủ tục mở tài khoản thanh toán (iii) sản phẩm, dịch vụ mà chúng tôi đăng ký tại Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng dịch vụ tài khoản và đăng ký dịch vụ này cũng như “Bản điều khoản điều kiện giao dịch chung mở tài khoản và sử dụng dịch vụ cho KHTC” và “Bản Điều khoản và điều kiện giao dịch chung dịch vụ ngân hàng điện tử M-Banking dành cho khách hàng tổ chức” được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của MSB tại địa chỉ [www.msb.com.vn](http://www.msb.com.vn) (*sau đây gọi chung là “****Điều khoản điều kiện****”*) (iv) các phương thức thủ đoạn tội phạm trong mở và sử dụng tài khoản thanh toán; việc bảo mật thông tin dữ liệu và việc sử dụng tài khoản thanh toán an toàn (v) hành vi bị cấm trong mở, sử dụng tài khoản thanh toán và các quyền, nghĩa vụ của các Bên. Bằng văn bản này, chúng tôi xác nhận **ĐỒNG Ý** với toàn bộ nội dung của Điều khoản điều kiện và các quy định, hướng dẫn của MSB. 3. Đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản và đăng ký dịch vụ này sau khi được MSB chấp thuận, cùng với ***Điều khoản điều kiện*** niêm yết công khai trên website của MSB tạo thành một thỏa thuận thống nhất, không tách rời, có giá trị pháp lý như một Thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán hoàn chỉnh, có giá trị pháp lý ràng buộc với chúng tôi khi sử dụng dịch vụ của MSB. 4. Đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản và đăng ký dịch vụ này được lập thành hai (02) bản, mỗi Bên giữ một (01) bản, có giá trị pháp lý như nhau. | | | | | | |
| *Ngày tháng năm*  **Người đại diện theo Pháp luật[[92]](#footnote-92)**  *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* | | | | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **X. Phần dành cho Ngân hàng** | | | | | | | |
| **1. Thông tin nhận diện Khách hàng** | | | | | | | |
| Phân khúc khách hàng | DN lớn (LC)  DN vừa (MC)  DN vừa và nhỏ (SME)  DN siêu nhỏ (SSE) | | | | | | |
| Đơn vị quản lý Khách hàng | Khối KHCL  Ngân hàng Doanh nghiệp (EB)  Ban KHDN Vốn đầu tư nước ngoài  Trung tâm phân khúc KHDNL  TT bán hàng và Kênh phân phối | | | | Ngân hàng Quản lý tín dụng  Ngân hàng Bán lẻ (RB)  Ngân hàng ĐCTC | | |
| Ngành và lĩnh vực kinh doanh | **Doanh nghiệp Nhà nước, FDI, doanh nghiệp có doanh thu >= 1000 tỷ đồng:**  Xây dựng – Vật liệu xây dựng  Thực phẩm & thức ăn chăn nuôi  Thương mại tiêu dùng  Khác:........................................  **Doanh nghiệp khác:**  Xây dựng  Thương mại  Sản xuất  Khác:..................... | | | | | | |
| Thông tin chuỗi/bán chéo[[93]](#footnote-93) | Khách hàng thuộc chuỗi: CIF Anchor: ……… Tên Anchor …………………  Khách hàng là đối tượng nhận được bán chéo (giới thiệu)  CIF Khách hàng bán chéo: ……… Tên Khách hàng bán chéo: …………......... | | | | | | |
| **2. Phần dành cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ[[94]](#footnote-94)** | | | | | | | |
| *Nhân viên tiếp nhận hồ sơ[[95]](#footnote-95)*  Họ và tên: ……………  Ngày: ..../..../........  *Cán bộ quản lý KH*  RM chính: …………  TB sale: ……………  CM sale: …………  RM bán chéo: …… | Lãnh đạo ĐVKD[[96]](#footnote-96)  Họ và tên: ……………………….  Ngày: ..../..../........ | | | | | | |
| **3. Phần dành cho bộ phận dịch vụ tài khoản/DVKH/ Phòng TNĐCTC** | | | | | | | |
| **3.1.** **Mã khách hàng**: ………………………… | | | | | | | |
| **3.2. Loại tài khoản** | | **Loại tiền** | | **Số tài khoản** | | | **Mã sản phẩm** |
| Tài khoản thanh toán | |  | |  | | |  |
|  | |  | |  | | |  |
| **3.3.** Dịch vụ nộp thuế điện tử  Đồng ý  Không đồng ý, lý do…………………………………… | | | | | | | |
| **3.4.** Dịch vụ thanh toán hóa đơn tự động   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiền điện** | **Tiền nước** | **Khác:………………………** | | Đồng ý  Không đồng ý, lý do…………… | Đồng ý  Không đồng ý, lý do….. | Đồng ý  Không đồng ý, lý do…… | | | | | | | | |
| **3.5** Dịch vụ Ngân hàng điện tử M Banking  Đồng ý  Không đồng ý, lý do:………………………… | | | | | | | |
| **Người thực hiện** | | | **Người kiểm soát** | | | *Ngày tháng năm*  **Người phê duyệt**  *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)* | |
| **Cập nhật hồ sơ lên hệ thống** | | | | | | | |
| Họ và tên: …………………  Ngày: ..../..../........ | | | Họ và tên: ……………………  Ngày: ..../..../........ | | |  | |
| Quét chữ ký, mẫu dấu[[97]](#footnote-97) | | | | | | | |
| Họ và tên: ………………….  Ngày: ..../..../........ | | | Họ và tên: ……………………  Ngày: ..../..../........ | | |  | |

1. Khách hàng gạch chéo đối với những phần thông tin không có hoặc không sử dụng. [↑](#footnote-ref-1)
2. Áp dụng đối với trường hợp được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư trước ngày 1/7/2015 và không có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại các tài liệu này. [↑](#footnote-ref-2)
3. Áp dụng đối với trường hợp pháp luật quy định bắt buộc phải có [↑](#footnote-ref-3)
4. Áp dụng đối với trường hợp pháp luật quy định bắt buộc phải có để chứng minh tổ chức được thành lập, hoạt động hợp pháp [↑](#footnote-ref-4)
5. Ghi rõ mã ngành kinh doanh chính của doanh nghiệp theo ngành cấp 5. Ngành kinh doanh chính của doanh nghiệp được căn cứ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp. Trong trường hợp trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp không có ngành kinh doanh chính thì căn cứ vào ngành có doanh thu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các ngành, lĩnh vực mà doanh nghiệp hoạt động của năm tài chính gần nhất [↑](#footnote-ref-5)
6. Khách hàng chủ động ghi rõ các loại tài khoản chuyên dùng đặc biệt cần mở như Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam, Tài khoản vay trả nợ nước ngoài, ... Tham khảo HD.EB.001 hoặc các quy định khác trong từng thời kỳ [↑](#footnote-ref-6)
7. Theo quy định cụ thể của từng thời kỳ [↑](#footnote-ref-7)
8. Trường hợp có nhiều hơn 1 người giao dịch, NV DVTK bổ sung phần thông tin người giao dịch để Khách hàng kê khai [↑](#footnote-ref-8)
9. Ghi rõ đầy đủ Ngày, tháng, năm sinh. [↑](#footnote-ref-9)
10. Đối với cá nhân là công dân Việt Nam: Thẻ căn cước hoặc Căn cước công dân gắn chíp. Trường hợp đặc biệt phải sử dụng Chứng minh nhân dân, căn cước công dân không gắn chip để mở tài khoản thanh toán cho Khách hàng thì các Đơn vị trình Giám đốc vùng của NHCD (hoặc cao hơn một cấp) hoặc cấp có thẩm quyền khác theo phân cấp của MSB từng thời kỳ để xem xét, quyết định nhưng phải đảm bảo xác thực Khách hàng đầy đủ, chính xác và chỉ chấp nhận sử dụng chứng minh nhân dân đến ngày 1/1/2025 [↑](#footnote-ref-10)
11. Áp dụng đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-11)
12. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam. [↑](#footnote-ref-12)
13. Điều kiện áp dụng theo QĐ.EB.005 Dịch vụ ngân hàng điện tử M-Banking dành cho KH tổ chức hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế [↑](#footnote-ref-13)
14. Ngân hàng tự động thiết lập phân quyền mặc định trừ trường hợp Khách hàng lựa chọn “ Không đồng ý” [↑](#footnote-ref-14)
15. Việc ủy quyền tại Đề nghị này có giá trị pháp lý như văn bản ủy quyền. Khách hàng cam kết chịu mọi trách nhiệm và rủi ro phát sinh từ việc ủy quyền này. [↑](#footnote-ref-15)
16. Đối với cá nhân là công dân Việt Nam: Thẻ căn cước hoặc Căn cước công dân gắn chíp. Trường hợp đặc biệt phải sử dụng Chứng minh nhân dân, căn cước công dân không gắn chip để mở tài khoản thanh toán cho Khách hàng thì các Đơn vị trình Giám đốc vùng của NHCD (hoặc cao hơn một cấp) hoặc cấp có thẩm quyền khác theo phân cấp của MSB từng thời kỳ để xem xét, quyết định nhưng phải đảm bảo xác thực Khách hàng đầy đủ, chính xác và chỉ chấp nhận sử dụng chứng minh nhân dân đến ngày 1/1/2025 [↑](#footnote-ref-16)
17. Khách hàng cần đăng ký người dùng có Vai trò duyệt lệnh (Checker) ở cấp duyệt cuối cùng phải sử dụng một trong hai phương thức xác thực giao dịch: Soft OTP hoặc CA. [↑](#footnote-ref-17)
18. Đối với cá nhân là công dân Việt Nam: Thẻ căn cước hoặc Căn cước công dân gắn chíp. Trường hợp đặc biệt phải sử dụng Chứng minh nhân dân, căn cước công dân không gắn chip để mở tài khoản thanh toán cho Khách hàng thì các Đơn vị trình Giám đốc vùng của NHCD (hoặc cao hơn một cấp) hoặc cấp có thẩm quyền khác theo phân cấp của MSB từng thời kỳ để xem xét, quyết định nhưng phải đảm bảo xác thực Khách hàng đầy đủ, chính xác  và chỉ chấp nhận sử dụng chứng minh nhân dân đến ngày 1/1/2025 [↑](#footnote-ref-18)
19. Ghi rõ đầy đủ Ngày, tháng, năm sinh. [↑](#footnote-ref-19)
20. Đối với cá nhân là công dân Việt Nam: Thẻ căn cước hoặc Căn cước công dân gắn chíp. Trường hợp đặc biệt phải sử dụng Chứng minh nhân dân, căn cước công dân không gắn chip để mở tài khoản thanh toán cho Khách hàng thì các Đơn vị trình Giám đốc vùng của NHCD (hoặc cao hơn một cấp) hoặc cấp có thẩm quyền khác theo phân cấp của MSB từng thời kỳ để xem xét, quyết định nhưng phải đảm bảo xác thực Khách hàng đầy đủ, chính xác  và chỉ chấp nhận sử dụng chứng minh nhân dân đến ngày 1/1/2025 [↑](#footnote-ref-20)
21. Áp dụng đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-21)
22. Bắt buộc điền thông tin liên quan Khách hàng Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch bên dưới. [↑](#footnote-ref-22)
23. Bắt buộc điền đầy đủ các thông tin nhận dạng tương ứng với các quốc tịch đối với khách hàng cá nhân có từ hai quốc tịch trở lên. [↑](#footnote-ref-23)
24. Nếu không có: vui lòng ghi rõ “Không có”. [↑](#footnote-ref-24)
25. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam. [↑](#footnote-ref-25)
26. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-26)
27. Bắt buộc đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật thì sẽ kê khai số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh. [↑](#footnote-ref-27)
28. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-28)
29. Quốc tịch thứ nhất: điền thông tin tại mục phía trên. NĐDTPL có 1 quốc tịch. [↑](#footnote-ref-29)
30. Trường hợp khách hàng có nhiều hơn 2 quốc tich, vui lòng bổ sung thêm trường thông tin tương tự để kê khai [↑](#footnote-ref-30)
31. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-31)
32. Ghi rõ đầy đủ Ngày, tháng, năm sinh. [↑](#footnote-ref-32)
33. Đối với cá nhân là công dân Việt Nam: Thẻ căn cước hoặc Căn cước công dân gắn chíp. Trường hợp đặc biệt phải sử dụng Chứng minh nhân dân, căn cước công dân không gắn chip để mở tài khoản thanh toán cho Khách hàng thì các Đơn vị trình Giám đốc vùng của NHCD (hoặc cao hơn một cấp) hoặc cấp có thẩm quyền khác theo phân cấp của MSB từng thời kỳ để xem xét, quyết định nhưng phải đảm bảo xác thực Khách hàng đầy đủ, chính xác  và chỉ chấp nhận sử dụng chứng minh nhân dân đến ngày 1/1/2025 [↑](#footnote-ref-33)
34. Áp dụng đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-34)
35. Bắt buộc điền thông tin liên quan Khách hàng Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch bên dưới. [↑](#footnote-ref-35)
36. Bắt buộc điền đầy đủ các thông tin nhận dạng tương ứng với các quốc tịch đối với khách hàng cá nhân có từ hai quốc tịch trở lên. [↑](#footnote-ref-36)
37. Nếu không có: vui lòng ghi rõ “Không có”. [↑](#footnote-ref-37)
38. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam. [↑](#footnote-ref-38)
39. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-39)
40. Bắt buộc đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật thì sẽ kê khai số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh. [↑](#footnote-ref-40)
41. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-41)
42. Quốc tịch thứ nhất: điền thông tin tại mục phía trên. NĐ DTUQ có 1 quốc tịch. [↑](#footnote-ref-42)
43. Trường hợp khách hàng có nhiều hơn 2 quốc tich, vui lòng bổ sung thêm trường thông tin tương tự để kê khai [↑](#footnote-ref-43)
44. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-44)
45. Trường hợp khách hàng có yêu cầu đặc thù về phạm vi ủy quyền trong quá trình sử dụng tài khoản thì cần cung cấp văn bản quy định rõ nội dung về phạm vi ủy quyền này [↑](#footnote-ref-45)
46. Ghi rõ đầy đủ Ngày, tháng, năm sinh. [↑](#footnote-ref-46)
47. Đối với cá nhân là công dân Việt Nam: Thẻ căn cước hoặc Căn cước công dân gắn chíp. Trường hợp đặc biệt phải sử dụng Chứng minh nhân dân, căn cước công dân không gắn chip để mở tài khoản thanh toán cho Khách hàng thì các Đơn vị trình Giám đốc vùng của NHCD (hoặc cao hơn một cấp) hoặc cấp có thẩm quyền khác theo phân cấp của MSB từng thời kỳ để xem xét, quyết định nhưng phải đảm bảo xác thực Khách hàng đầy đủ, chính xác  và chỉ chấp nhận sử dụng chứng minh nhân dân đến ngày 1/1/2025 [↑](#footnote-ref-47)
48. Áp dụng đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-48)
49. Bắt buộc điền thông tin liên quan Khách hàng Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch bên dưới. [↑](#footnote-ref-49)
50. Bắt buộc điền đầy đủ các thông tin nhận dạng tương ứng với các quốc tịch đối với cá nhân có từ hai quốc tịch trở lên. [↑](#footnote-ref-50)
51. Nếu không có: vui lòng ghi rõ “Không có”. [↑](#footnote-ref-51)
52. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam. [↑](#footnote-ref-52)
53. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-53)
54. Bắt buộc đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật thì sẽ kê khai số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh. [↑](#footnote-ref-54)
55. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-55)
56. Quốc tịch thứ nhất: điền thông tin tại mục phía trên. KTT/NPTKTcó 1 quốc tịch. [↑](#footnote-ref-56)
57. Trường hợp khách hàng có nhiều hơn 2 quốc tich, vui lòng bổ sung thêm trường thông tin tương tự để kê khai [↑](#footnote-ref-57)
58. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-58)
59. Ghi rõ đầy đủ Ngày, tháng, năm sinh. [↑](#footnote-ref-59)
60. Đối với cá nhân là công dân Việt Nam: Thẻ căn cước hoặc Căn cước công dân gắn chíp. Trường hợp đặc biệt phải sử dụng Chứng minh nhân dân, căn cước công dân không gắn chip để mở tài khoản thanh toán cho Khách hàng thì các Đơn vị trình Giám đốc vùng của NHCD (hoặc cao hơn một cấp) hoặc cấp có thẩm quyền khác theo phân cấp của MSB từng thời kỳ để xem xét, quyết định nhưng phải đảm bảo xác thực Khách hàng đầy đủ, chính xác  và chỉ chấp nhận sử dụng chứng minh nhân dân đến ngày 1/1/2025 [↑](#footnote-ref-60)
61. Áp dụng đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-61)
62. Bắt buộc điền thông tin liên quan Khách hàng Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch bên dưới. [↑](#footnote-ref-62)
63. Bắt buộc điền đầy đủ các thông tin nhận dạng tương ứng với các quốc tịch đối với cá nhân có từ hai quốc tịch trở lên. [↑](#footnote-ref-63)
64. Nếu không có: vui lòng ghi rõ “Không có”. [↑](#footnote-ref-64)
65. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam. [↑](#footnote-ref-65)
66. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-66)
67. Bắt buộc đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật thì sẽ kê khai số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh. [↑](#footnote-ref-67)
68. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-68)
69. Quốc tịch thứ nhất: điền thông tin tại mục phía trên. Người được KTT/NPTKT UQ có 1 quốc tịch. [↑](#footnote-ref-69)
70. Trường hợp khách hàng có nhiều hơn 2 quốc tich, vui lòng bổ sung thêm trường thông tin tương tự để kê khai [↑](#footnote-ref-70)
71. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-71)
72. Trường hợp khách hàng có yêu cầu đặc thù về phạm vi ủy quyền trong quá trình sử dụng tài khoản thì cần cung cấp văn bản quy định rõ nội dung về phạm vi ủy quyền này [↑](#footnote-ref-72)
73. Chỉ áp dụng trong trường hợp Khách hàng muốn đăng ký quản lý chữ ký theo tài khoản [↑](#footnote-ref-73)
74. Trường hợp các thông tin này trùng với thông tin của các cá nhân khác được kê khai trên mẫu biểu này hoặc các mẫu biểu đi kèm thì không cần điền lại [↑](#footnote-ref-74)
75. Ghi rõ đầy đủ Ngày, tháng, năm sinh. [↑](#footnote-ref-75)
76. Đối với cá nhân là công dân Việt Nam: Thẻ căn cước hoặc Căn cước công dân gắn chíp. Trường hợp đặc biệt phải sử dụng Chứng minh nhân dân, căn cước công dân không gắn chip để mở tài khoản thanh toán cho Khách hàng thì các Đơn vị trình Giám đốc vùng của NHCD (hoặc cao hơn một cấp) hoặc cấp có thẩm quyền khác theo phân cấp của MSB từng thời kỳ để xem xét, quyết định nhưng phải đảm bảo xác thực Khách hàng đầy đủ, chính xác  và chỉ chấp nhận sử dụng chứng minh nhân dân đến ngày 1/1/2025 [↑](#footnote-ref-76)
77. Áp dụng đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-77)
78. Bắt buộc điền thông tin liên quan Khách hàng Là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch bên dưới. [↑](#footnote-ref-78)
79. Bắt buộc điền đầy đủ các thông tin nhận dạng tương ứng với các quốc tịch đối với cá nhân có từ hai quốc tịch trở lên. [↑](#footnote-ref-79)
80. Nếu không có: vui lòng ghi rõ “Không có”. [↑](#footnote-ref-80)
81. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam. [↑](#footnote-ref-81)
82. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam. [↑](#footnote-ref-82)
83. Bắt buộc đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật thì sẽ kê khai số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh. [↑](#footnote-ref-83)
84. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam [↑](#footnote-ref-84)
85. Quốc tịch thứ nhất: điền thông tin tại mục phía trên. TGĐ/GĐcó 1 quốc tịch. [↑](#footnote-ref-85)
86. Trường hợp khách hàng có nhiều hơn 2 quốc tich, vui lòng bổ sung thêm trường thông tin tương tự để kê khai [↑](#footnote-ref-86)
87. Bắt buộc đối với cá nhân có quốc tịch là người nước ngoài. [↑](#footnote-ref-87)
88. Tổ chức tài chính: là các tổ chức quản lý giám hộ, công ty nhận tiền gửi, công ty đầu tư, hoặc một công ty bảo hiểm đặc thù [↑](#footnote-ref-88)
89. Mã số nhận dạng trung gian toàn cầu do Sở thuế vụ Hoa Kỳ cấp cho môt số đối tượng là Tổ chức tài chính nước ngoài [↑](#footnote-ref-89)
90. Là thể nhân thực hiện kiểm soát/ chi phối đối với một tổ chức

    * Đối với Quỹ tín thác: thuật ngữ trên có nghĩa là một người ủy thác, người được ủy thác, người giám hộ (nếu có), người thụ hưởng hoặc nhóm người thụ hưởng, và bất kỳ thể nhân nào khác nắm quyền kiểm soát cuối cùng đối với quỹ tín thác đó.
    * Đối với các hình thức thỏa thuận pháp lý khác với quỹ tín thác: thuật ngữ trên có nghĩa là những người có vai trò/ vị trí tương đương.

    [↑](#footnote-ref-90)
91. Cung cấp Số Hộ chiếu hoặc số định danh cá nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp [↑](#footnote-ref-91)
92. Trường hợp không phải Người đại diện theo Pháp luật, đề nghị Khách hàng cung cấp Văn bản ủy quyền giữa tổ chức với Người được ủy quyền đó theo mẫu của MSB, hoặc theo mẫu KH lập nhưng đảm bảo theo các nội dung quy định tại Điều 18. Ủy quyền sử dụng tài khoản (QĐ.VH.023) [↑](#footnote-ref-92)
93. Bỏ qua nếu không có thông tin [↑](#footnote-ref-93)
94. Dành cho trường hợp bắt buộc có xác nhận của ĐVKD khi mở tài khoản [↑](#footnote-ref-94)
95. Trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ mở tài khoản ngoài địa điểm giao dịch của MSB theo quy định từng thời kỳ. [↑](#footnote-ref-95)
96. Trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ mở tài khoản ngoài địa điểm giao dịch của MSB theo quy định từng thời kỳ. [↑](#footnote-ref-96)
97. Nếu trùng cán bộ cập nhật hồ sơ lên hệ thống thì có thể xóa phần này [↑](#footnote-ref-97)